

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST  
Ngày: 04-6- 2020  
V/v tranh chấp dân sự về  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Duy Thanh.
2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất*” theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 20A/2020/QĐXX-ST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 07/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 309, tổ 03, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang;

*Bị đơn:* Bà Trần Mỹ D, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 311, tổ 03, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang;

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị Q, sinh năm 1952 và ông Lê Văn T, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Tổ 03, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang;

- Ông Trần Văn To, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 311, tổ 03, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà H và bà D có mặt, bà Q, ông T, ông V, ông To vắng mặt lần thứ hai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Lê Thị H trình bày: Bà là chủ sử dụng diện tích 51,6m<sup>2</sup> đất ở ven đô thị, tọa lạc tổ 03, khóm V, phường N, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03645fE cấp ngày 11/01/2011. Tháng 11/2016 khi phục hồi mốc ranh để chuẩn bị xây dựng nhà thì phát hiện bà D có sử dụng phần đất thuộc quyền sử dụng của bà, cụ thể ngang phía trước khoảng 0,8m, ngang phía sau khoảng 0,2m chạy dài 13,04m. Sự việc được hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam không thành.

Bà H yêu cầu bà D trả lại phần đất theo đúng vị trí đất mà bà được Ủy ban nhân thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03645fE cấp ngày 11/01/2011.

Quá trình giải quyết vụ án,

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 bà Trần Mỹ D có lời khai: Năm 2001 bà có nhận chuyển nhượng phần đất ngang 4m, dài 16m từ bà Lê Thị Q, sinh năm 1952, đất chuyển nhượng tọa lạc tổ 03, khóm Vĩnh Tây (trước đây là tổ 3, ấp Vĩnh Tây 2, xã Vĩnh Tế) với giá 8.000.000 đồng, hai bên chỉ làm giấy tay có xác nhận của tổ trưởng Nguyễn Văn Lập, không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, khi nhận chuyển nhượng thì bà Q không cho biết là bà có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, do kinh tế khó khăn, bà không có tiền làm thủ tục đăng ký và chuyển tên nên để vậy cho đến nay, giữa hai bên có giao nhận đất với nhau, con bà Q là Lê Văn T cùng bà Q tự đo và cắm mốc giao đất, sau đó năm 2002 bà có làm đơn xin phép cất nhà bằng nóng cây, sàn ván, vách tol, mái tol, khung cây tạp, nhà cất không hết diện tích đất, chừa mỗi bên 0,2 m. Bà xác định không lấn đất của bà H, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra bà D có lời khai bổ sung, phần đất đang tranh chấp có căn nhà gắn liền bà đang sử dụng nhận chuyển nhượng từ bà Q là tài sản riêng của bà, còn ông Trần Văn To là con chung của bà với ông Trần Văn Đệ (sinh năm 1964, chết năm 2004), bà chung sống với ông Đệ vào năm 1984 không đăng ký kết hôn, hiện ông To có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng bà nhưng không còn sống chung nhà do đã lập gia đình và đi làm ăn xa.

Tài liệu chứng cứ bà D giao nộp là Tờ bán nền nhà ghi ngày 08/11/2001 với nội dung bà Q bán cho bà D 01 nền nhà ngang 4m, dài 16m với giá 8.000.000 đồng, có xác nhận của ông Nguyễn Văn Lập là tổ trưởng, hiện ông Lập đã chết, bà đề nghị không đưa ông Lập tham gia vụ án.

Bà Lê Thị Q có lời khai: Bà là chủ sử dụng diện tích 118,10 m<sup>2</sup> thửa 114, tờ bản đồ số 51 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 04022 QSDĐ/dE cấp ngày 21/01/2002, đây là tài sản riêng của bà do cha bà tặng cho. Ngày 26/3/2003 bà có đồng ý chuyển nhượng cho ông V diện tích ngang 4,5m dài 17m, bà là người trực tiếp nhận tiền, giao bản chính giấy chứng nhận QSDĐ cho ông V và yêu cầu con bà là Lê Văn T viết Tờ mua bán nền nhà để ông V làm thủ tục chuyển

tên. Trước khi chuyển nhượng đất cho ông V, bà có chuyển nhượng một phần cho bà D, hai bên có lập thành văn bản nhưng không có chứng thực, bà cũng không yêu cầu cơ quan chức năng đo đạc tách thửa. Bà xác định diện tích đất chuyển nhượng cho bà D, ông V trong phạm vi diện tích bà được cấp giấy chứng nhận, đồng ý cho đo đạc và phục hồi mốc ranh theo giấy chứng nhận để làm cơ sở giải quyết, việc con bà là Tài ghi giấy mua bán cho bà D là không chính xác, phần đất chuyển nhượng cho bà D trong phạm vi đất bà được cấp giấy chứng nhận.

Ngày 20/02/2019 ông Nguyễn Văn V có Tường trình cho rằng ngày 26/02/2003 ông sang nhượng lại của bà Lê Thị Q một nền nhà ngang 4,5m dài 17m đã có giấy chứng nhận QSDĐ số 04022 QSDĐ/dE cấp ngày 11/01/2002 do bà Q đứng tên, trên thửa đất này bà Q cũng có chuyển nhượng cho bà D 01 nền nhà giáp ranh. Ông V có yêu cầu tòa án tiến hành đo đạc bổ sung để xác định diện tích bà Q chuyển nhượng cho ông và bà D, làm cơ sở giải quyết việc bà H tranh chấp ranh đất.

Tài liệu chứng cứ ông V giao nộp Tờ mua bán nền nhà ghi ngày 26/3/2003.

Theo yêu cầu của các đương sự Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả Bản trích đo hiện trạng và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 02/10/2019 và ngày 05/5/2020 thể hiện:

- Các điểm 25, 26, 27, 28 trích lục từ bản đồ số 19, thửa số 63, diện 51,6m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) Châu Đốc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03645fE, ngày 11/01/2011 cấp cho bà Lê Thị H.

- Các điểm 27, 28, 29, 30 trích lục từ hồ sơ khu đất duyệt ngày 03/12/2001 kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04022 QSDĐ/dE thuộc tờ bản đồ số 54, thửa 144, diện tích 118,1 m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) Châu Đốc cấp cho bà Lê Thị Q ngày 21/01/2002.

- Các điểm 10,11, 43, 34, 23, 24, 32, 45 với diện tích 61,9 m<sup>2</sup> là hiện trạng căn nhà gỗ theo sự chỉ ranh của bà Lê Thị H, trong đó: Các điểm 27,33,34 với diện tích 0,4m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận cấp cho bà Lê Thị Q.

- Các điểm 12,13, 37, 21, 38, 20, 44, 35, 36 với diện tích 50,3 m<sup>2</sup> là hiện trạng căn nhà gỗ theo sự chỉ ranh của bà Trần Thị Dung (Trần Mỹ D), trong đó: Các điểm 28,35,36 với diện tích 1,3m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận cấp cho bà Lê Thị H.

Quá trình tố tụng bà H có bổ sung yêu cầu buộc bà D và ông To tháo dỡ phần nhà xây dựng lấn chiếm trả lại đất với lý do bị đơn nhận chuyển nhượng và xây dựng trong thời gian chung sống với ông Đệ có con chung là ông To đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với bà D.

Tại phiên tòa,

Bà H và bà D xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không cung cấp bổ sung hoặc đề nghị Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ khác.

Ý kiến của bà H: Yêu cầu bà D và ông To tháo dỡ phần nhà được làm bằng vật liệu nóng cây, khung cây tạp, vách tol, mái tol (có hình ảnh) trả lại diện tích đất lấn chiếm 1,3m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03645fE cấp ngày 11/01/2011. Đồng thời bà tự nguyện tháo dỡ phần nhà được xây dựng bằng nóng đúc, vách tol, mái tol trả lại phần đất lấn chiếm 0,4m<sup>2</sup> hiện do bà D sử dụng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04022 QSDD/dE cấp ngày 11/01/2002 bà Q đứng tên; thống nhất với kết quả đo đạc và cho bà D thời gian sau 02 năm (từ ngày 04/6/2020 đến ngày 04/6/2022) hai bên sẽ thực hiện việc tháo dỡ, di dời phần nhà xây dựng lấn chiếm trả đất lại cho nhau.

Ý kiến của bà D: Thừa nhận căn nhà của bà xây dựng có một phần nằm trong phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H, nhà được xây dựng bằng vật liệu tháo dỡ được; thống nhất với kết quả đo đạc do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập và đồng ý thời gian để các bên thực hiện việc tháo dỡ, di dời nhà như bà H đề nghị, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà Q.

Hội đồng xét xử công bố lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; Biên bản hòa giải, biên bản xác minh, bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 02/10/2019 và ngày 05/5/2020.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa bà Lê Thị H và bà Trần Mỹ D thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà D và ông To tháo dỡ một phần căn nhà tại các điểm 28,35,36 trả lại diện tích đất 1,3m<sup>2</sup> cho bà H và bà H tự nguyện tháo dỡ một phần căn nhà tại các điểm 27,33,34 với diện tích 0,4m<sup>2</sup> trả lại đất

cho bà D theo Bản gốc trích đo hiện trạng và phục hồi ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 21/10/2019, thời gian thực hiện chậm nhất đến ngày 04/6/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bị đơn tháo dỡ nhà trả lại đất. Bên cạnh đó, bị đơn và phần đất tranh chấp thuộc địa bàn thành phố Châu Đốc và đã được hòa giải cơ sở, nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 203, Điều 206 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự tranh chấp về quyền sử dụng đất không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, ông To và ông V đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, riêng ông V có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

#### *Về nội dung:*

[1] Theo lời khai và kết quả trích lục hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của bà H thể hiện nguồn gốc đất bà H nhận chuyển nhượng là của ông Lê Văn Bơi với diện tích 51,6 m<sup>2</sup>, thửa số 63, tờ bản đồ số 19 và được Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) cấp giấy chứng nhận số CH03465fE ngày 11/01/2011 cho bà H, vị trí giáp ranh đất với bà Lê Thị Q.

Bà D, ông V nhận chuyển nhượng đất từ bà Q trong phạm vi diện tích 118,1m<sup>2</sup> bà Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đo đạc, làm thủ tục tách thửa chuyển tên mà đã xây dựng nhà ở cho đến nay được bà Q thừa nhận và không có tranh chấp nên xác định bà D, ông V người đang sử dụng đất.

Kết quả đo đạc ngày 02/10/2019 và ngày 05/5/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập, thể hiện:

- Các điểm 10,11, 43, 34, 23, 24, 32, 45 với diện tích 61,9 m<sup>2</sup> là hiện trạng căn nhà gỗ theo sự chỉ ranh của bà Lê Thị H, trong đó: Các điểm 27,33,34 với diện tích 0,4m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận cấp cho bà Lê Thị Q.

- Các điểm 12,13, 37, 21, 38, 20, 44, 35, 36 với diện tích 50,3 m<sup>2</sup> là hiện trạng căn nhà gỗ theo sự chỉ ranh của bà Trần Thị Dung (Trần Mỹ D), trong đó: Các điểm 28,35,36 với diện tích 1,3m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận cấp cho bà Lê Thị H.

Bà D cho rằng xây dựng nhà không lấn đất của của bà H, về nguồn gốc đất vào năm 2001 bị đơn nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Q diện tích ngang 4m, dài 16m hai bên chỉ lập giấy tay và cũng không đo đạc làm thủ tục chuyển quyền; bà Q cũng xác định việc con bà là ông T ghi giấy mua bán cho bị đơn là không chính xác, phần đất chuyển nhượng cho bị đơn trong phạm vi đất bà được cấp giấy chứng nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà D thừa nhận việc xây dựng nhà có lấn chiếm đất của bà H, bà đồng ý cùng với ông To tháo dỡ, di dời trả lại đất cho bà H theo kết quả đo đạc.

Mặt khác bà H cũng thừa nhận phần nhà của bà xây dựng cũng lấn chiếm phần đất của bà D đang sử dụng thuộc giấy chứng nhận của bà Q với diện tích 0,4m<sup>2</sup> và đồng ý tháo dỡ, di dời trả lại đất, bà D cùng thống nhất.

Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013 quy định quyền chung của người sử dụng đất như sau: *Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.*

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.*

Do bà D, ông V và bà Q chưa hoàn thành thủ tục chuyển tên, tuy nhiên bà D, ông V là người sử dụng đất nên:

Căn cứ kết quả đo đạc và phục hồi mốc ranh của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Châu Đốc lập cùng quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên và lời khai của các bên, thấy rằng việc bà H khởi kiện là có căn cứ, các bên thống nhất thời gian thực hiện việc tháo dỡ di dời sau hai năm kể từ ngày 04/6/2020 đến ngày 04/6/2022 xét công nhận như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Bà D và ông To tháo dỡ di dời vật kiến trúc xây dựng trên phần đất tại các điểm 28,35,36 có diện tích 1,3m<sup>2</sup> trả lại đất cho bà H, đồng thời bà H tự nguyện tháo dỡ, di dời vật kiến trúc xây dựng trên phần đất tại các điểm 27,33,34 có diện tích 0,4m<sup>2</sup> trả lại đất do bà D đang sử dụng theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 05/5/2020.

[4] Quá trình tố tụng phát sinh chi phí:

Nguyên đơn bà H đã nộp tiền chi phí ký hợp đồng đo đạc theo 02 hóa đơn là 851.400 đồng + 1.788.600 đồng; ông V đã nộp 2.875.400 đồng. Tại phiên tòa bà H tự nguyện chịu, riêng ông V không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Tại phiên tòa bà H và bà D thống nhất bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm; xét công nhận bà H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà D, ông To không phải chịu án phí dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 166, khoản 1 Điều 203, Điều 206 Luật đất đai năm 2013; Điều 174, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị H với bà Trần Mỹ D:

[1] Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H: Thửa 63, diện tích 51,6 m<sup>2</sup> được giới hạn tại các điểm 25, 26, 27, 28 theo bản gốc trích đo hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 05/5/2020 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03645fE do Ủy ban nhân dân thị xã (thành phố) Châu Đốc cấp ngày 11/01/2011 cho bà H.

Bà Trần Mỹ D và ông Trần Văn To tháo dỡ di dời vật kiến trúc xây dựng trên phần đất tại các điểm 28, 35, 36 có diện tích 1,3m<sup>2</sup> trả lại đất cho bà Lê Thị H;

Bà Lê Thị H tự nguyện tháo dỡ, di dời vật kiến trúc xây dựng trên phần đất tại các điểm 27,33,34 có diện tích 0,4m<sup>2</sup> trả lại đất do bà D đang sử dụng thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04022 QSDĐ/dE cấp ngày 11/01/2002 mang tên Lê Thị Q.

Theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 05/5/2020 (Kèm theo bản vẽ).

Thời gian thực hiện việc tháo dỡ, di dời sau 02 năm (kể từ ngày 04/6/2020 đến ngày 04/6/2022).

[2] Về án phí:

Bà Lê Thị H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo phiếu thu số TU/2015/0014970 ngày 30/11/2017 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Trần Mỹ D và ông Trần Văn To không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự bà H, bà D có mặt có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Q, ông T, ông V, ông To vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Châu Đốc(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- CC.THADS TP. Châu Đốc(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bích Thủy**